

VẬN TẢI THÔ SƠ quân sự, hình thức vận tải quân sự sử dụng các loại phương tiện, thiết bị vận tải có kết cấu đơn giản, sức chở nhỏ (dưới 5 tấn), dùng sức người, sức vật và các yếu tố tự nhiên như sức gió, dòng nước để vận chuyển phương tiện, vật chất và cơ động bộ đội theo yêu cầu, nhiệm vụ.

Trong lịch sử quân sự thế giới trước thế kỷ XX, vận tải quân sự chủ yếu dựa vào yếu tố tự nhiên như sức người, sức kéo của sức vật và sức gió, nước... Ở nửa cuối thế kỷ XVII, Quân đội Nga thường sử dụng đoàn vận tải ngựa để vận chuyển hàng hóa cung cấp cho bộ đội. Đến những năm đầu thế kỷ XX, cách mạng công nghiệp phát triển mạnh mẽ, các phương tiện vận tải quân sự mới ra đời (ô tô, tàu hỏa, tàu biển...), nhưng VTTS vẫn được sử dụng rộng rãi. Trong Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất và Chiến tranh thế giới lần thứ Hai, Quân đội Nga, Liên Xô sử dụng ngựa để kéo xe, vận chuyển lương thực, thực phẩm phục vụ bộ đội chiến đấu. Ở Việt Nam, từ trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, những đội viên du kích, tự vệ đỏ cùng đông đảo nhân dân trong các khu căn cứ cách mạng đã sử dụng những phương tiện, thiết bị thô sơ (thuyền nan, quang gánh, xe cút kít, xe quét...) để vận chuyển hàng hóa bảo đảm cho lực lượng khởi nghĩa. Tháng 2.1946 đã có đoàn thuyền đầu tiên chở vũ khí từ Trung Bộ vào Nam Bộ; nhiều đoàn thuyền vận tải ven biển vận chuyển vũ khí, gạo, vải, chăn màn từ Hà Nội và các tỉnh phía Bắc vào miền Nam phục vụ các đoàn quân Nam tiến.

Phương tiện, thiết bị VTTS gồm: phương tiện thô sơ đường bộ; phương tiện thô sơ đường thủy; thiết bị thô sơ dùng sức người mang vác; phương tiện thô sơ dùng sức vật kéo... Phương tiện thô sơ đường bộ bao gồm xe đạp thồ, xe cải tiến, xe cút kít; dùng sức người điều khiển, như: xe đạp thồ; xe cút kít; dùng sức người điều khiển, như: xe đạp thồ, làm từ xe đạp nam, có gia cố thêm một số bộ phận chịu lực và lắp giá đỡ hàng, giá đỡ cáng, giá chở thương binh, thường do 2 người sử dụng; xe cải tiến dùng sức người kéo, đẩy, thùng xe làm bằng gỗ hoặc sắt đặt trên khung xe, bộ phận chuyển động gồm 1 trục và 2 bánh, có 2 càng để kéo hoặc đẩy, thường do 2-3 người điều khiển; xe cút kít có 2 càng hình chữ A, đầu đặt trên 1 bánh xe bằng gỗ hoặc bằng sắt, thường do 1 người điều khiển..

Phương tiện thô sơ đường thủy, bao gồm: phao, bè, mảng; là những phương tiện đơn giản, thường làm bằng cách ghép các vật liệu, dụng cụ sẵn có, có tính nổi thành các khối nổi, tấm nổi với nhiều hình thức, dùng sức người điều khiển hoặc sử dụng sức gió, sức nước. Theo vật liệu, mục đích sử dụng, có: thuyền, xuồng; chúng có nhiều dạng khác nhau, như hình thoi, hình tròn, có kích thước nhỏ và vừa, thường được chế tạo bằng tre, gỗ... người điều khiển có thể dùng trang bị thô sơ hoặc lợi dụng dòng nước để di chuyển. Ở miền Bắc, các phương tiện thô sơ đường thủy thường như: thuyền nan, thuyền gỗ, thuyền xi măng lưới thép... Ở miền Nam, loại trọng tải dưới một tấn gọi là xuồng, trên một tấn gọi là ghe, với loại thon dài gọi là vỏ lãi hay tắc ráng.

Thiết bị thô sơ dùng sức người mang vác, bao gồm: gùi mềm, gùi cứng, cáng mềm, cáng cứng, cáng vận tải đa tác dụng. Gùi mềm là loại may sẵn, làm bằng vải, có dây đeo, dây giữ, sử dụng để vận chuyển hàng rời, hàng lỏng, điu thương binh. Gùi cứng có dạng hình trụ, đáy bằng, làm bằng mây, tre, dây rừng đan lại thành gùi, có dây đeo và đệm lưng. Cáng mềm gồm võng và đòn khiêng để vận chuyển hàng kiện có trọng lượng lớn và vận chuyển thương binh, bệnh binh.

Cáng cứng (thường làm bằng tre) gồm võng và đòn khiêng để vận chuyển thương binh. Cáng vận tải đa tác dụng làm bằng vải, hình chữ nhật, hai đầu có mở luôn dây, ở giữa có đai ống, hai bên có quai đeo và có 10 dây buộc với các tác dụng khác nhau. Cáng vận tải đa tác dụng có thể làm võng để nằm, làm địu thương binh, làm gùi hàng, làm cáng mềm và làm cáng cứng.

Phương tiện thô sơ dùng sức vật kéo thường là xe quệt, loại xe không có bánh xe, được kéo trượt trên mặt đường bằng hai thang trượt đặt dưới thùng xe, thường dùng trâu, bò để kéo. Theo loại sức vật sử dụng, có các loại xe quệt: xe bò kéo, xe ngựa kéo, xe trâu kéo... Xe quệt có thể làm bằng sắt hoặc gỗ, có thể dùng bánh hơi hoặc bánh sắt, dùng 1 hoặc 2 sức vật kéo. Ngoài các loại phương tiện trên, voi, ngựa, lừa cũng có thể được dùng để chở hàng hoặc vận chuyển thương binh, bệnh binh.

Phương pháp vận chuyển bằng phương tiện thô sơ thường là sức người mang vác hàng, khiêng hàng, khiêng cáng thương binh, gùi hàng, địu thương binh; xe đạp thồ để vận chuyển hàng, vận chuyển thương binh; thả trôi hoặc kéo nổi bằng cách sử dụng bè, mảng, thuyền (xuồng) để vận chuyển hàng, thương binh.

VTTS thích hợp với nhiều hình thức chiến thuật và thủ đoạn chiến đấu, trên nhiều địa hình khác nhau, có thể khai thác, chế tạo phương tiện thiết bị ngay trên địa bàn chiến đấu, trong khu vực phòng thủ địa phương. VTTS được sử dụng rộng rãi trong quân đội, trong nhân dân, cả ở vùng đồng bằng, rừng núi, ven biển, vùng sông nước và đô thị. Trong chiến đấu, ngoài lực lượng VTTS chuyên nghiệp được biên chế trong các đơn vị chiến đấu, có thể huy động bộ đội trong thời gian chuẩn bị tác chiến hoặc huy động lực lượng VTTS của nhân dân trong khu vực tác chiến, khu vực phòng thủ địa phương tham gia vận chuyển vật chất, cơ động bộ đội.

Trong Kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), Công chính giao thông cục - lực lượng vận tải quân sự chuyên trách đầu tiên được thành lập theo sắc lệnh số 34/SL của Chủ tịch Hồ Chí Minh (3.1946), với lực lượng lúc đầu gồm 2 cấp (đại đội và tiểu đoàn); phương tiện được trang bị chủ yếu là xe đạp thồ, xe ngựa kéo. Ở Trung Bộ, có thêm ngựa thồ, voi thồ, xe trâu kéo và sức người mang vác để vận chuyển tiếp tế cho kháng chiến. Trong những năm 1948 - 1949, nhiều đoàn thuyền vận tải đã vận chuyển từ Khu 5 đến cực nam Trung Bộ và Nam Bộ nhiều loại hàng với khối lượng từng đợt có lúc lên đến 600 tấn vật chất các loại và hàng trăm cán bộ ra, vào phục vụ kháng chiến, phát động chiến tranh du kích và mở rộng căn cứ cách mạng. Tháng 6.1949, ngành Vận tải nhận nhiệm vụ tổ chức tuyến vận tải mới, với yêu cầu khẩn trương vận chuyển 200 tấn vũ khí từ biên giới Việt - Trung về chợ Mới. Tuy thời gian gấp, đường vận chuyển khó khăn, song nhờ huy động lực lượng, phương tiện VTTS tại chỗ gồm 213 xe ngựa, 350 xe trâu, hàng trăm xe quệt đã hoàn thành vượt chỉ tiêu, vận chuyển được 300 tấn vũ khí, an toàn, kịp thời bảo đảm Chiến dịch Biên Giới 1950. Trong các chiến dịch tiến công từ 1952 - 1954 mà đỉnh cao là Chiến dịch Điện Biên Phủ, tại chiến trường Tây Bắc, trong 6 tháng phục vụ chiến dịch, ngành Vận tải đã huy động được 54.075 nhân công với 1.974.800 ngày công tại chỗ cùng 1.429 thuyền, 2.217 xe đạp thồ và 260.000 dân công từ các địa phương khác trong cả nước chuyên gánh bộ. Tuyến hậu cần chiến dịch, chiến thuật đã sử dụng 210.000 xe đạp thồ, 261.500 dân công và nhiều phương tiện thô sơ khác như thuyền nan, xe trâu, ngựa thồ vận chuyển

20.229 tấn vật chất các loại phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Trong Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), cùng với sự chi viện của miền Bắc, hoạt động vận tải quân sự tập trung chủ yếu ở Khu 4 và tuyến hành lang chi viện Đông, Tây Trường Sơn. Ở giai đoạn đầu cuộc kháng chiến, Đoàn vận tải Quang Trung vẫn sử dụng phương tiện VTTS là chính để vận chuyển hàng vào chiến trường. Năm 1962, hơn 3.000 cán bộ, chiến sĩ được trang bị hơn 1.000 xe đạp thồ đã vận chuyển được 625 tấn vũ khí đến mặt trận phía Nam, 350 tấn gạo phục vụ cho bộ đội ở hành lang Khu 5 và chiến trường Trị - Thiên. Những năm 1964 - 1965 đã có 8 binh trạm sử dụng phương tiện VTTS (gùi, xe đạp thồ, thuyền, mủng...) để vận chuyển hàng từ Bắc vào Nam phục vụ cho các chiến trường.

Trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, VTTS vẫn luôn được xác định là phương thức vận tải có vị trí quan trọng trong công tác bảo đảm hậu cần chiến đấu cả trong chiến tranh thông thường cũng như chiến tranh công nghệ cao. VTTS đã và đang được xây dựng vững mạnh cả về tổ chức biên chế và trang bị phương tiện kỹ thuật, nhất là ở cấp chiến thuật; quan tâm xây dựng và đào tạo lực lượng VTTS theo hướng chuyên nghiệp hóa, có đủ khả năng làm lực lượng nòng cốt trong nhiệm vụ vận chuyển phục vụ tác chiến. Theo quy định của Tổng Tham mưu trưởng: lượng dự trữ phương tiện, trang bị sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vận tải bộ ở các sư đoàn bộ binh đủ quân phải có: xe đạp thồ, cáng đa tác dụng, ba lô gùi, đệm vai, đệm gối; tổ chức nghiên cứu, phát triển sản xuất các loại ba lô, cáng, võng, đệm gối, đệm vai phù hợp với điều kiện khí hậu nhiệt đới và thể trạng con người Việt Nam; cải tiến xe đạp thồ, gùi hàng có bánh xe lăn, thuyền gấp vượt sông... nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng, nâng cao năng suất vận tải, bảo đảm bí mật, an toàn trong mọi điều kiện.

VTTS thường sử dụng để vận chuyển vật chất hậu cần, kỹ thuật ở tuyến chiến đấu, có trường hợp trở thành phương thức vận tải chủ yếu không thể thay thế. Quy mô sử dụng lực lượng thô sơ - sức người rất linh hoạt, có thể vận chuyển tập trung hoặc phân tán, phụ thuộc vào yêu cầu, nhiệm vụ chiến đấu. Khi bộ đội tác chiến ở địa hình phức tạp, địch đánh phá ngăn chặn ác liệt, yêu cầu bí mật cao, phương tiện cơ giới sử dụng hạn chế hoặc không sử dụng được, VTTS trở thành phương thức vận tải chủ yếu bảo đảm cho bộ đội chiến đấu. (1.985 chữ)

NGUYỄN VĂN BIÊN

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng, *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, 2004
2. Tổng cục Hậu cần, *Lịch sử hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam*, tập 1, tập 2 (1995, 1999).
3. Học viện Hậu cần, *Giáo trình công tác hậu cần*, Hà Nội, 2005.
4. Bộ Quốc phòng, *Điều lệ công tác tham mưu tác chiến Quân đội nhân dân Việt Nam*, Hà Nội 2000.
5. *Điều lệ công tác vận tải quân sự (1999)*.